

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA XHNV

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Viết tiếng Hàn Sơ cấp 1, _ Ngữ pháp tiếng Hàn 1_ ĐỀ 1		
Mã học phần:	71KORS40202 71KORE40183	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	71KORS40202_01 71KORE40183_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	45	phút

SINH VIÊN KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG TÀI LIỆU

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng bảng chữ cái tiếng Hàn, quy tắc viết từ vựng, câu văn để viết thành câu văn, đoạn văn ở trình độ sơ cấp. Vận dụng lý thuyết ngữ pháp để xác định từ loại, cấu trúc câu, liên kết câu để viết thành đoạn văn, câu văn đơn giản theo chủ đề.	Trắc nghiệm	30%	1~8	4	PI 3.1, I PI 3.2, I
CLO 2	Sử dụng kỹ năng viết tiếng Hàn để diễn đạt thông tin với các bên liên quan.	Tự luận	50%	9~14	3	PI 5.2, I
CLO 3	Sử dụng máy tính để soạn thảo trên word những đoạn văn ngắn, đơn giản.		10%	15	3	PI 7.2, I
CLO 4	Không ngừng học tập, trau dồi từ vựng, cấu trúc câu. Luôn sáng tạo trong văn viết, không		10%			PI 10.1, I

	sao chép, không đạo văn.					
--	-----------------------------	--	--	--	--	--

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

다음 질문에 답하십시오/Chọn đáp án đúng (0,5 điểm/câu)

1

Chọn câu có cách viết giãn cách đúng (0,5 điểm)

- A. 저는 한국 사람이 아납니다.
- B. 저 는 한국사람이 아납니다.
- C. 저 는 한국 사람이 아납니다.
- D. 저는 한국 사람이아납니다.

ANSWER: A

2

Chọn câu có cách viết giãn cách đúng (0,5 điểm)

- A. 한나는 불고기를 먹습니다.
- B. 한나 는 불고기를 먹습니다.
- C. 한나 는 불고기 를 먹습니다.
- D. 한나는 불고기 를 먹습니다.

ANSWER: A

3

Chọn câu có cách viết giãn cách đúng (0,5 điểm)

- A. 학교에서 공부를 합니다.
- B. 학교 에서 공부를 합니다.
- C. 학교에서 공부 를 합니다.
- D. 학교 에서 공부 를 합니다.

ANSWER: A

4

Chọn câu có cách viết giãn cách đúng (0,5 điểm)

- A. 유미 씨는 고양이를 좋아합니다. 그리고 강아지도 좋아합니다.
- B. 유미 씨는 고양이 를 좋아합니다. 그리고 강아지 도 좋아 합니다.
- C. 유미씨는 고양이를 좋아합니다. 그리고 강아지 도 좋아합니다.
- D. 유미씨는 고양이 를 좋아합니다. 그리고 강아지도 좋아 합니다.

ANSWER: A

5

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống (0,5 điểm)

방이 깨끗합니다. () 넓습니다.

- A. 그리고
- B. 하지만
- C. 그래서
- D. 그러니까

ANSWER: A

6

Chọn trợ từ thích hợp điền vào chỗ trống (0,5 điểm)

가게() 갑니다. 우유를 삽니다.

- A. 에
- B. 에서
- C. 는
- D. 가

ANSWER: A

7

Chọn trợ từ thích hợp điền vào chỗ trống (0,5 điểm)

저는 대학생입니다. 한국어 () 공부합니다.

- A. 를
- B. 을
- C. 가
- D. 는

ANSWER: A

8

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống (0,5 điểm)

한국어 공부를 하고 싶습니다. () 학원에 다닙니다.

A. 그래서

B. 그리고

C. 하지만

D. 그런데

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Sinh viên gõ câu trả lời trực tiếp vào khung đáp án

Phần 1: /Viết các câu sau theo gợi ý (0.5 x 6= 3 điểm)

9

형, 대학생,이다./ 누나, 회사원, 이다.

10

저, 베트남 사람, 이다./ 제 친구, 일본 사람, 이다.

11

제니, 일본 사람, 아니다./ 한국 사람, 이다.

12

집, 밥, 먹다/ 숙제, 하다.

13

어제, 학교, 한국어, 공부하다/ 친구, 만나다.

14

일요일, 저, 수영, 하다./ 하지만, 내 친구, 학교, 가다.

Phần 2. Viết đoạn văn từ 100~150 chữ về chủ đề gia đình (3 điểm)

15

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm (nhóm câu hỏi)		4.0	
Câu 1 – 8		0.5	
II. Tự luận		6.0	
Phần 1: Viết câu theo gợi ý	Câu 9: 형은 대학생입니다. 누나는 회사원입니다.	0.5	
	Câu 10: 저는 베트남 사람입니다. 제 친구는 일본 사람입니다.	0.5	
	Câu 11: 제니는 일본 사람이 아닙니다. 한국 사람입니다	0.5	
	Câu 12: 집에서 밥을 먹고 숙제를 합니다.	0.5	
	Câu 13: 어제는 학교에서 한국어를 공부하고 친구를 만났습니다.	0.5	
	Câu 14: 일요일에 저는 수영을 합니다. 하지만 내 친구는 학교에 갑니다.	0.5	
Phần 2: Viết đoạn văn	Câu 15: 우리 가족입니다. 우리 가족은 아버지, 어머니, 언니, 저 모두 4 명입니다. 우리 아버지는 회사원입니다. 우리 어머니는 주부입니다. 우리 언니는 대학생입니다. 그리고 저는 학생입니다. 우리 가족을 사랑합니다.	3,0	Viết đủ số lượng câu như yêu cầu. Không sai ngữ pháp quá 50% cả bài. Sử dụng từ vựng và ngữ pháp phù hợp
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



ThS. Nguyễn Thị Hương

